



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM  
VIETNAM OIL & GAS GROUP  
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI &  
DỊCH VỤ DẦU KHÍ VIỆT NAM  
PETROVIETNAM TRADE AND SERVICES  
JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence – Freedom - Happiness

Số/No: 42/PVTS – TH  
V/v/Ref: Công bố thông tin Báo cáo thường niên năm  
2024/Information disclosure of Annual Report 2024

Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2025  
Hanoi, April 9<sup>th</sup>, 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE ON THE ELECTRONIC PORTAL OF THE  
STATE SECURITIES COMMISSION

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
To: The State Securities Commission

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam (PVTS).

Name of organization: Petrovietnam Trade and Services Joint Stock Company

Trụ sở chính: Tầng 1, Tòa nhà Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, 18 Láng Hạ, Phường Thành  
Công, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội.

Address of Head office: 1<sup>st</sup> Floor, Petrovietnam Building, 18 Lang Ha Street, Thanh Cong District,  
Hanoi City

Điện thoại/Tel: 024.35148699

Fax: 024.35148599

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of information disclosure:

Công ty PVTS công bố thông tin về Báo cáo thường niên năm 2024/ Petrovietnam Trade  
and Services Joint Stock Company (PVTS) announces the Annual Report 2024.

Thông tin trên được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty PVTS tại địa chỉ:  
[www.pvts.com.vn](http://www.pvts.com.vn)./This information was published on the Company's website, as in the link:  
[www.pvts.com.vn](http://www.pvts.com.vn).

Công ty PVTS cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu  
trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./ PVTS hereby certify that  
the information provided is true and correct and we take the full responsibility to the law.

Nơi nhận/Recipients:

- CBTT điện tử UBCKNN (như trên)/IDS  
(as above);
- Giám đốc (e-copy để b/c)/CEO (e-copy  
for reporting);
- Website;
- Lưu VT, TH, NCBTT(01b)/Archived: VT,  
TH, NCBTT (01 copy).

CÔNG TY PVTS  
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT  
AUTHORIZED PERSON TO DISCLOSE  
INFORMATION



Nguyễn Thị Hồng Mai



**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ DẦU KHÍ VIỆT NAM (PVT S)**

Địa chỉ: Tầng 1, số 18 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024. 35148699; Fax: 024. 35148599

Email: pvtsservices@pvts.com.vn; website: www.pvts.com.vn

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**Năm báo cáo 2024**

**I. Thông tin chung.**

**1. Thông tin khái quát.**

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam (PVT S)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0102278170 thay đổi lần 18 ngày 17 tháng 3 năm 2023.
- Vốn điều lệ: 300 tỷ đồng.
- Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà 18 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Hà Nội.
- Số điện thoại: 04.35148699
- Fax: 04.35148599
- Website: [www.pvts.com.vn](http://www.pvts.com.vn)
- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam (PVT S) được cấp Giấy phép kinh doanh số 0103017707 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/06/2007, đăng ký thay đổi các lần cụ thể như sau:

- Đăng ký thay đổi lần 1: ngày 28 tháng 01 năm 2008
- Đăng ký thay đổi lần 2: ngày 25 tháng 07 năm 2008
- Đăng ký thay đổi lần 3: ngày 14 tháng 05 năm 2009
- Đăng ký thay đổi lần 4: ngày 04 tháng 09 năm 2009
- Đăng ký thay đổi lần 5: ngày 27 tháng 10 năm 2009
- Đăng ký thay đổi lần 6: ngày 01 tháng 03 năm 2010 (thay đổi số giấy phép đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế: 0102278170)
- Đăng ký thay đổi lần 7: ngày 03 tháng 06 năm 2010
- Đăng ký thay đổi lần 8: ngày 22 tháng 03 năm 2011
- Đăng ký thay đổi lần 9: ngày 25 tháng 03 năm 2011
- Đăng ký thay đổi lần 10: ngày 07 tháng 06 năm 2012
- Đăng ký thay đổi lần 11: ngày 26 tháng 12 năm 2013
- Đăng ký thay đổi lần 12: ngày 16 tháng 07 năm 2014
- Đăng ký thay đổi lần 13: ngày 10 tháng 11 năm 2014



- Đăng ký thay đổi lần 14: ngày 31 tháng 01 năm 2019
- Đăng ký thay đổi lần 15: ngày 10 tháng 8 năm 2020
- Đăng ký thay đổi lần 16: ngày 05 tháng 05 năm 2022
- Đăng ký thay đổi lần 17: ngày 26 tháng 12 năm 2022
- Đăng ký thay đổi lần 18: ngày 17 tháng 3 năm 2023

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

STT	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã NN
1	Xây dựng nhà để ở	4101
2	Xây dựng nhà không để ở	4102
3	Xây dựng công trình đường sắt	4211
4	Xây dựng công trình đường bộ	4212
5	Xây dựng công trình điện	4221
6	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
7	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
8	Xây dựng công trình công ích khác	4229
9	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp; Xây dựng công trình cửa; Xây dựng đường hầm; Xây dựng các công trình thể thao ngoài trời	4299
10	Phá dỡ	4311
11	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động nổ mìn, dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
12	Lắp đặt hệ thống điện	4321
13	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí	4322
14	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Thang máy, cầu thang tự động; Các loại cửa tự động; Hệ thống đèn chiếu sáng; Hệ thống hút bụi; Hệ thống âm thanh; Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí	4329
15	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
16	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
17	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ bán buôn dược phẩm)	4669
18	Đào tạo sơ cấp	8531
19	Đào tạo trung cấp	8532
20	Đào tạo cao đẳng	8533
21	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. (Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa, môi giới bảo hiểm, chứng khoán).	4610
22	Dịch vụ đồ uống Chi tiết: Quán rượu, bia (không bao gồm kinh doanh quán bar)	5630
23	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
24	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động vui chơi, giải trí	9329
25	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

	Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh	
26	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Lữ hành quốc tế và nội địa	7912
27	Đại lý du lịch Chi tiết: Kinh doanh tua du lịch	7911
28	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
29	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
30	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
31	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5510
32	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống giải khát (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
33	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
34	Hoạt động tư vấn và quản lý: Chi tiết: Tư vấn mua bán, sáp nhập doanh nghiệp (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật, tài chính); Dịch vụ quan hệ công chúng; Tư vấn và cung cấp dịch vụ quản trị doanh nghiệp; Tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán, kiểm toán, thuế và tài chính); Tư vấn về cổ phần hóa (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật)	7020
35	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Dịch vụ quản lý dự án (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình)	7110
36	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đầu tư trong và ngoài nước; Tư vấn đầu tư trong và ngoài nước (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính); Đầu tư thực hiện việc sáp nhập doanh nghiệp	6619
37	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận Chi tiết: Quảng cáo thương mại và Quảng cáo phi thương mại; Tư vấn chiến lược truyền thông; Dịch vụ nghiên cứu, phân tích thị trường.	7320
38	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Môi giới thương mại	7490
39	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm)	4662
40	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Ủy thác mua bán hàng hóa	8299
41	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự	9610

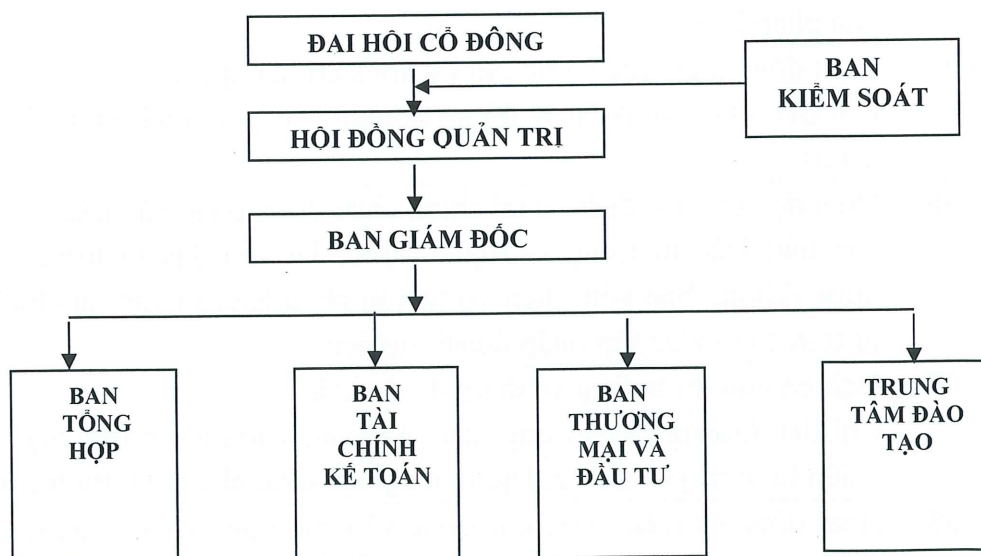




	(trừ hoạt động thể thao) Trừ: Dạy ấn huyệt và xông hơi bằng thuốc y học cổ truyền	
42	Quảng cáo Chi tiết: Quảng cáo thương mại và các quảng cáo phi thương mại; Tư vấn chiến lược truyền thông	7310
43	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn cung cấp giải pháp thương mại điện tử và thông tin thị trường (trừ thông tin nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)	6399
44	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
45	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
46	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
47	Bán buôn thực phẩm	4632
48	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Trừ các loại nhà nước cấm)	4661
49	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
50	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Trừ: Dạy về tôn giáo; Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể)	8559
Các ngành nghề kinh doanh khác mà Công ty đã đăng ký kinh doanh được công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.		

- Địa bàn kinh doanh: TP. Hà Nội.

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.



## II. Tình hình hoạt động trong năm.

### Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024:

*ĐVT: Tỷ đồng*

STT	Chỉ tiêu	TH 2023	KH 2024	TH 2024	Tỷ lệ % So với 2023	Tỷ lệ % so với KH 2024
1	<b>Doanh thu và thu nhập khác</b>	<b>44.41</b>	<b>49.4</b>	<b>50.78</b>	<b>114%</b>	<b>103%</b>
1.1	DT bán hàng và cung cấp dịch vụ	42.69	47.0	50.0	117%	106%
1.2	Doanh thu hoạt động tài chính	1.57	0.40	0.74	47%	185%
1.3	Thu nhập khác	0.15	2.0	0.04	26%	2%
2	<b>Chi phí</b>	<b>43.92</b>	<b>48.65</b>	<b>50.63</b>	<b>115%</b>	<b>104%</b>
2.1	Giá vốn	40.4	44.5	47.2	117%	106%
2.2	Chi phí tài chính	0.02	0.025	0.024	100%	100%
2.3	Chi phí bán hàng	0.25	0.3	0.29	116%	96%
2.4	Chi phí quản lý doanh nghiệp trước trích lập/hoàn nhập dự phòng	3.15	3.67	3.09	98%	84%
2.5	Chi phí khác	0.13	0.15	0.01	7%	6%
3	<b>Lợi nhuận</b>					
3.1	Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.28	2.5	2.78	122%	111%
3.2	<b>Lợi nhuận trước trích lập/hoàn nhập dự phòng</b>	<b>0.49</b>	<b>0.75</b>	<b>0.15</b>	<b>37%</b>	<b>24%</b>
	Trích lập/Hoàn nhập dự phòng	(9.96)		(2.64)		
3.3	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>10.45</b>	<b>0.75</b>	<b>2.79</b>	<b>27%</b>	<b>372%</b>
4	Lao động cuối kỳ (người)	10	10	10	100%	100%

## 2. Tổ chức và nhân sự.

### Hội đồng Quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Nguyễn Huy Hoàng	Chủ tịch HĐQT	01/8/2020	
2	Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	21/01/2019	
3	Lê Bá Trường	Thành viên HĐQT	21/03/2022	



**Ban Giám đốc:**

Stt	Họ & Tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn giữ chức vụ	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Lê Bá Trường	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/5/2022	

- Số lượng cán bộ công nhân viên và chính sách đối với người lao động:

+ **Số lượng CBCNV:** 10 CBCNV

+ **Chính sách đối với người lao động:**

Thực hiện đúng các chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật lao động. CBCNV Công ty được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp phù hợp với luật Lao động và Luật Bảo hiểm xã hội.

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án: không có.**

**4. Tình hình tài chính.**

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
Tổng giá trị tài sản	287.421.935.984	290.518.387.842
Doanh thu thuần	42.691.518.238	49.997.396.395
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	10.426.027.583	2.753.961.831
Lợi nhuận khác	20.047.874	38.816.123
Lợi nhuận trước thuế	10.446.075.457	2.792.777.954
Lợi nhuận sau thuế	10.446.075.457	2.792.777.954

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.**

**a) Cổ phần.**

Vốn điều lệ của Công ty khi thành lập là 300.000.000.000 VND (ba trăm tỷ đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 30.000.000 (ba mươi triệu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/01 cổ phần. Trong đó:

- Cổ phần phổ thông: 30.000.000 (ba mươi triệu cổ phần)
- Cổ phần ưu đãi: Không có

**b) Cơ cấu cổ đông.**

Tổng số cổ đông của Công ty: 4767 cổ đông, trong đó:

- Cổ đông tổ chức: 10 tổ chức sở hữu 19.844.700 cổ phần chiếm 66,1% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của công ty.
- Cổ đông cá nhân: 4757 cổ đông sở hữu 10.155.300 cổ phần chiếm 33,9% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của công ty.

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty: không có.**

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

##### 1.1. Các chỉ tiêu cơ bản.

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2023	KH 2024	TH 2024	Tỷ lệ % So với 2023	Tỷ lệ % so với KH 2024
<b>1</b>	<b>Doanh thu và thu nhập khác</b>	<b>44.41</b>	<b>49.4</b>	<b>50.78</b>	<b>114%</b>	<b>103%</b>
1.1	DT bán hàng và cung cấp dịch vụ	42.69	47.0	50.0	117%	106%
1.2	Doanh thu hoạt động tài chính	1.57	0.40	0.74	47%	185%
1.3	Thu nhập khác	0.15	2.0	0.04	26%	2%
<b>2</b>	<b>Chi phí</b>	<b>43.92</b>	<b>48.65</b>	<b>50.63</b>	<b>115%</b>	<b>104%</b>
2.1	Giá vốn	40.4	44.5	47.2	117%	106%
2.2	Chi phí tài chính	0.02	0.025	0.024	100%	100%
2.3	Chi phí bán hàng	0.25	0.3	0.29	116%	96%
2.4	Chi phí quản lý doanh nghiệp trước trích lập/hoàn nhập dự phòng	3.15	3.67	3.09	98%	84%
2.5	Chi phí khác	0.13	0.15	0.01	7%	6%
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận</b>					
3.1	Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.28	2.5	2.78	122%	111%
3.2	Lợi nhuận trước trích lập/hoàn nhập dự phòng	0.49	0.75	0.15	37%	24%
	Trích lập/Hoàn nhập dự phòng	(9.96)		(2.64)		
3.3	Lợi nhuận trước thuế	10.45	0.75	2.79	27%	372%
4	Lao động cuối kỳ (người)	10	10	10	100%	100%

##### 1.2. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và nguyên nhân.

Kết quả kinh doanh thực hiện năm 2024, tổng doanh thu và thu nhập khác đạt 50,78 tỷ đồng (tương đương 103% kế hoạch năm 2024), lợi nhuận đạt 2,79 tỷ đồng lợi nhuận đạt (tương đương 372% kế hoạch năm 2024). Trong năm 2024, PVTS tiếp tục thực hiện nghiệp vụ hợp tác kinh doanh mua bán hàng hóa thương mại và cung cấp dịch vụ đào tạo, tổ chức sự kiện theo ngành nghề kinh doanh đăng ký. Các hoạt động kinh doanh mới đã góp phần tạo ra lợi nhuận gộp, giúp công ty duy trì bộ máy hoạt động, cải thiện tình hình tài chính. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 50 tỷ đồng, lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 2.78 tỷ đồng. Về chi phí, tổng chi phí năm 2024 đạt 50.63 tỷ đồng.

Công ty luôn đề cao tinh thần thực hiện tiết kiệm chi phí tối đa, giảm chi phí lương cố định hàng tháng, bổ sung hình thức trả lương khoán theo doanh thu để đảm bảo công bằng và nâng cao hiệu quả công việc của CBCNV.



## 2. Kế hoạch năm 2025.

Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2025
Doanh thu và thu nhập khác	Tỷ đồng	55.55
Chi phí	Tỷ đồng	54.75
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0.50
Định biên lao động	Người	11

### IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.

#### 1. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty.

HĐQT thực hiện nghiêm túc công tác giám sát đối với Giám đốc trong việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi hoạt động điều hành quản lý của Giám đốc, thông qua các cuộc họp để chỉ đạo xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh quan trọng hoặc đột xuất. Phối hợp với BKS công ty kiểm tra việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT đề ra, đánh giá về tiến độ thực hiện kế hoạch và thông qua các báo cáo định kỳ.

Các hoạt động giám sát của HĐQT và Ban Giám đốc được thực hiện theo nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ hoạt động và các Quy chế nội bộ của Công ty bằng các Chỉ thị, Nghị quyết, Quyết định...

Năm 2024, Công ty PVTS đã đạt được kết quả kinh doanh nhất định, các vấn đề tồn đọng đang tiếp tục được xử lý. Có thể nói trong điều kiện khó khăn tồn tại nhiều năm qua của PVTS, kết quả sản xuất kinh doanh đã phản ánh sự nỗ lực của Ban Lãnh đạo cùng đội ngũ CBCNV trong việc đổi mới hoạt động Công ty, đảm bảo duy trì khả năng hoạt động liên tục cũng như ổn định đời sống cho CBNV. Tuy nhiên, phần lớn các vấn đề tồn tại của PVTS là phức tạp, để xử lý dứt điểm cần có thời gian và phụ thuộc vào phán quyết của các cơ quan chức năng. Do đó, thời gian tới công ty PVTS tiếp tục rà soát hồ sơ và bám sát các cơ quan bảo vệ pháp luật và các bên liên quan để đảm bảo lợi ích tốt nhất cho công ty.

Công ty tiếp tục thực hiện tiết kiệm chi phí ở mức tối đa, giảm chi phí lương do giảm nhân sự. Kể từ khi Công ty kiện toàn nhiệm kỳ mới nhân sự các vị trí Giám đốc và Chủ tịch HĐQT, Ban Điều hành đã nỗ lực triển khai các giải pháp: (i) Rà soát lại tình hình tài chính, công nợ phải thu-phải trả của các tổ chức/cá nhân. (ii) Xây dựng quy chế lương, quy định chi tiêu nội bộ mới phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh của Công ty. (iii) tìm kiếm và triển khai một số hoạt động kinh doanh thương mại/Dịch vụ đào tạo/tổ chức sự kiện...

## 2. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025:

- Tiếp tục thực hiện các mục tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông giao phó, tuân thủ đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Ổn định bộ máy và phát triển Công ty theo hướng dịch vụ hiệu quả và bền vững, song song với kiểm soát, quản trị rủi ro, duy trì thành quả, bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư và các cổ đông;
- Tiếp tục tiến hành xử lý các vấn đề còn tồn đọng trong năm 2024; Cơ cấu lại tài sản và các khoản đầu tư để tăng cường dòng tiền trong thời gian tới.
- Duy trì việc họp và thảo luận thường xuyên các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT và các vấn đề mang tính chiến lược đối với sự phát triển của Công ty.
- Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục hoàn thiện các hoạt động quản trị công ty áp dụng theo những thông lệ tiên tiến nhằm tăng cường vai trò và trách nhiệm của các thành viên HĐQT/BKS.
- Xây dựng và hoàn thiện những định hướng về chính sách nhân sự, chế độ lương thưởng và các phụ cấp để thực hiện chiến lược phát triển bền vững của Công ty.
- Đẩy mạnh công tác giám sát quản trị chất lượng hoạt động sản xuất kinh doanh, nhằm tiết kiệm chi phí nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và đảm bảo đời sống, thu nhập cho cán bộ công nhân viên công ty.
- Tiếp tục phát triển tốt mối quan hệ với các đối tác, nhà đầu tư và cổ đông, đảm bảo việc công bố thông tin theo quy định.

## V. Quản trị công ty.

### 1. Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị của Công ty PVTS bao gồm 03 thành viên, cụ thể như sau:

- |                         |                              |
|-------------------------|------------------------------|
| 1. Nguyễn Huy Hoàng     | - Chủ tịch HĐQT              |
| 2. Ông Lê Bá Trường     | - Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc |
| 3. Ông Nguyễn Mạnh Hùng | - Ủy viên HĐQT               |

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam hoạt động theo Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT và sự phối hợp giữa HĐQT và Giám đốc Công ty.

### 2. Ban Kiểm soát.

- Ban kiểm soát gồm có 02 kiểm soát không chuyên trách: ông Dương Văn Chuyên và ông Phạm Ngọc Dũng.
- Hoạt động của Ban kiểm soát:

BKS PVTS hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, các quy định hiện hành của Nhà nước, Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của BKS PVTS. BKS đã tiến hành kiểm tra, giám sát tình hình sản xuất kinh doanh và các công việc liên quan đến hoạt động tại PVTS, nội dung kiểm tra giám sát trong năm bao gồm các công việc chính sau:

170  
Y  
N  
AI &  
U KH  
M  
P. H



- + Giám sát việc triển khai nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty.
- + Giám sát tình hình hoạt động của HĐQT và thẩm định báo cáo hoạt động của HĐQT.
- + Đánh giá, phân tích các chỉ tiêu tài chính quý và năm.
- + Kiểm tra, giám sát việc chấp hành Điều lệ và các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của PVN.
- + Giám sát và trực tiếp tham gia việc sửa đổi và hoàn thiện các Quy chế, quy định nội bộ của PVTs.

Các thành viên trong BKS đã hoàn thành nhiệm vụ của mình trong việc thực hiện nhiệm vụ chung và thực hiện kế hoạch hoạt động của BKS trong năm 2024, cụ thể:

Trong năm 2024, Thành viên BKS đã tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và ĐHĐCĐ bất thường của Công ty.

Thực hiện báo cáo kết quả hoạt động năm 2024 và lập kế hoạch hoạt động năm 2025 của Ban kiểm soát.

Định kỳ hàng quý, năm Ban kiểm soát đã lập báo cáo kết quả kiểm tra giám sát về các mặt hoạt động của Công ty.

Tại các báo cáo giám sát, KSV đã có một số ý kiến, kiến nghị về tình hình hoạt động kinh doanh, đầu tư, tài chính và một số vấn đề tồn tại về công nợ của PVTs.

### 3. Thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát.

a/ Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích.

ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 đã thông qua tổng quỹ thù lao của thành viên HĐQT, BKS là 252.000.000 đồng.

Chi tiết chi trả như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Ghi chú
<b>Hội đồng quản trị</b>				
1	Nguyễn Huy Hoàng	Chủ tịch HĐQT	v	
2	Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên	v	
3	Lê Bá Trường	Thành viên	v	
<b>Ban Kiểm soát</b>				
1	Dương Văn Chuyên	Kiểm soát viên	v	
2	Phạm Ngọc Dũng	Kiểm soát viên	v	

Lương, thưởng của Ban Giám đốc: 349.338.301 đồng.

Chi tiết chi trả như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh	Lương thưởng	Ghi chú
1	Lê Bá Trường	Giám đốc	v	

- b/ Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: không có
- c/ Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: không có
- d/ Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:


Trong năm 2024, công tác quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định của pháp luật. Trong năm Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu tài chính được ĐHCĐ giao.


#### **VI. Báo cáo tài chính.**

(Ý kiến kiểm toán và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm theo Báo cáo này).

#### **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

**GIÁM ĐỐC**





**Lê Bá Trường**





# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ  
DẦU KHÍ VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024  
(đã được kiểm toán)



**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 38
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 38



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0102278170 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 06 năm 2007. Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam được đổi tên thành Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 18 ngày 17/03/2023.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 1, Tòa nhà Tập đoàn Dầu khí, 18 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Nguyễn Huy Hoàng	Chủ tịch HĐQT
Ông: Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT
Ông: Lê Bá Trường	Thành viên HĐQT

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Lê Bá Trường	Giám đốc
-------------------	----------

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông: Dương Văn Chuyên	Thành viên
Ông: Phạm Ngọc Dũng	Thành viên

### **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là Ông Lê Bá Trường - Giám đốc.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

**Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam**

Tầng 1, Tòa nhà Tập đoàn Dầu khí, 18 Láng Hạ,  
phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ chonăm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính Báo cáo tài chính.

**Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Giám đốc



**Lê Bá Trường**

Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2025



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam được lập ngày 06 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

- 1 Tại ngày 31/12/2024, Nợ phải trả ngắn hạn vượt quá Tài sản ngắn hạn là 139,35 tỷ VND (tại thời điểm 01/01/2024 là 142,16 tỷ VND), Vốn chủ sở hữu của Công ty âm 139 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 là âm 141,80 tỷ VND). Phần lớn các thỏa thuận tài chính của Công ty đã quá hạn thanh toán và chưa có nguồn để hoàn trả (Thuyết minh số 13 và Thuyết minh số 15). Đồng thời, Công ty có nghĩa vụ thanh toán nhận ủy thác đầu tư chịu lãi suất cố định không chia sẻ rủi ro (Chi tiết tại thuyết minh số 15<sup>(2a)</sup>) tại ngày 31/12/2024 với số tiền trị giá 71,1 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 là 71,1 tỷ VND) và đã quá hạn; Công ty đã sử dụng phần lớn số vốn ủy thác kể trên để kinh doanh thép và Công ty còn phải thu các đối tác (Chi tiết tại thuyết minh số 5<sup>(\*)</sup>), số tiền trị giá 73,07 tỷ VND (tại ngày 01/01/2024 là 73,07 tỷ VND). Thực tế này cho thấy việc tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Từ các tài liệu đã được cung cấp, Chúng tôi không thể đánh giá về giả định hoạt động liên tục của Công ty và đánh giá được tính hiện hữu và chính xác và phù hợp của các tài sản thế chấp liên quan liên quan đến các các nghĩa vụ thanh toán phát sinh từ hợp đồng nhận ủy thác này cũng như các khoản phải thu của khách hàng có liên quan và các điều chỉnh nếu có tại ngày 01/01/2024 và 31/12/2024.
- 2 Công ty đang ghi nhận các khoản đầu tư vào cổ phiếu tự doanh tại 01/01/2024 với giá trị 6,03 tỷ VND và tại 31/12/2024 với giá trị 6,03 tỷ VND tại khoản mục Chứng khoán kinh doanh (Chi tiết tại Thuyết minh số 04<sup>(3)</sup>). Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán theo yêu cầu nhưng chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về khoản đầu tư tại ngày 01/01/2024 và 31/12/2024. Do vậy, chúng tôi không đánh giá được liệu có phải thực hiện các điều chỉnh cần thiết liên quan đến giá trị của các khoản này hay không.



- 3 Như Công ty đã trình bày tại các Thuyết minh số 4(1); 4(5a); 4(5b); 7(1) tại ngày 31/12/2024 và tại ngày 01/01/2024, Công ty đang theo dõi các khoản phải thu về ủy thác quản lý vốn và hợp tác đầu tư chứng khoán tồn đọng qua nhiều năm với tổng giá trị lần lượt là 359,63 tỷ VND và 359,63 tỷ VND (số đã trích dự phòng tại 01/01/2024 và 31/12/2024 là 315,76 tỷ VND và 313,14 tỷ VND). Ngoài ra, các khoản cổ phiếu là giá trị tài sản đảm bảo để thực hiện khắc phục hậu quả Ủy thác quản lý vốn của SME chưa đánh giá lại giá trị hợp lý của các tài sản đảm bảo trên tại 31/12/2024 và trong năm, Công ty thay đổi cách thức xác định giá trị các khoản cổ phiếu là tài sản khắc phục hậu quả vụ kiện liên quan đến khoản ủy thác quản lý vốn của SME và ảnh hưởng sự thay đổi này như trình bày tại TM số 4(4). Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán và không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đưa ra ý kiến về tính hiện hữu, tính chính xác của các khoản phải thu và lãi phát sinh tương ứng cũng như dự phòng cần trích lập theo quy định.
- 4 Như Công ty trình bày tại Thuyết minh số 15 (không bao gồm Thuyết minh số 15(2a)) Công ty có các nghĩa vụ thanh toán đã quá hạn liên quan đến các khoản nhận ủy thác đầu tư ngắn hạn và nhận vốn ủy thác đầu tư dài hạn với tổng giá trị tại ngày 31/12/2024 và ngày 01/01/2024 lần lượt là 145,35 tỷ VND và 151,65 tỷ VND. Tại ngày 01/01/2024 và ngày 31/12/2024, Công ty chưa thu xếp được nguồn tài chính để thanh toán cho các nghĩa vụ này. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính hiện hữu, tính chính xác của số dư nợ gốc và các nghĩa vụ thanh toán phát sinh. Do vậy, chúng tôi không đánh giá được liệu có phải thực hiện các điều chỉnh cần thiết liên quan đến các nghĩa vụ nợ và tổn thất tài chính của Công ty phát sinh từ các khoản nhận ủy thác này hay không.
- 5 Ngoài các nội dung nêu trên, Các khoản công nợ phải thu chưa có đối chiếu tại thời điểm 31/12/2024 và 01/01/2024 lần lượt là 2,57 tỷ VND và 2,52 tỷ VND. Các khoản công nợ phải trả chưa có đối chiếu tại thời điểm 31/12/2024 và 01/01/2024 lần lượt là 20,73 tỷ VND và 37,53 tỷ VND (chủ yếu là các khoản phải trả về cổ tức qua nhiều năm). Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể thu thập được các bằng chứng khẳng định tính hiện hữu, tính chính xác của các khoản công nợ này.

#### **Từ chối đưa ra ý kiến**

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính đính kèm.

#### **Báo cáo về các yêu cầu khác của pháp luật và các quy định**

Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Việt Nam là Công ty đại chúng. Đến thời điểm kết thúc năm tài chính 31/12/2024, Công ty đang thực hiện thủ tục đăng ký lưu ký cổ phiếu tại Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và thủ tục nộp hồ sơ đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán chưa niêm yết theo quy định tại Điều 34, Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 do Quốc hội ban hành về quyền và nghĩa vụ của Công ty Đại chúng nhưng chưa được các cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

#### **Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Cát Thị Hà**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0725-2023-002-1

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2025

**Bùi Thị Loan**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 4927-2022-002-1



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>218.820.908.839</b>	<b>216.044.412.407</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	03	<b>660.258.052</b>	<b>756.428.022</b>
111	1. Tiền		660.258.052	756.428.022
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	04	<b>211.386.487.523</b>	<b>211.459.521.797</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		244.339.303.238	238.306.577.238
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(200.589.806.039)	(200.625.806.039)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		167.636.990.324	173.778.750.598
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>(16.236.137.920)</b>	<b>(19.278.322.354)</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	75.737.275.953	73.138.475.329
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	18.395.156.600	20.401.156.600
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	30.069.954.206	30.233.296.396
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(140.438.524.679)	(143.051.250.679)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	09	<b>17.657.224.800</b>	<b>17.719.946.134</b>
141	1. Hàng tồn kho		17.657.224.800	17.719.946.134
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>5.353.076.384</b>	<b>5.386.838.808</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	7.893.489	33.106.162
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	8.549.751
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	5.345.182.895	5.345.182.895
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>71.697.479.003</b>	<b>71.377.523.577</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>115.000.000</b>	<b>15.000.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	115.000.000	15.000.000
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>88.969.686</b>	<b>148.909.086</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	10.303.022	30.909.086
222	- Nguyên giá		1.057.566.546	1.057.566.546
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.047.263.524)	(1.026.657.460)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	78.666.664	118.000.000
228	- Nguyên giá		118.000.000	118.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(39.333.336)	-
250	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	04	<b>71.346.340.000</b>	<b>71.013.450.000</b>
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		71.346.340.000	71.013.450.000
260	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>147.169.317</b>	<b>200.164.491</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	147.169.317	200.164.491
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>290.518.387.842</b>	<b>287.421.935.984</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>429.518.924.148</b>	<b>429.215.250.244</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>358.172.584.148</b>	<b>358.201.800.244</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	97.302.959.690	97.340.815.364
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	177.316.748	138.571.495
314	3. Phải trả người lao động		445.333.464	101.997.509
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		113.490.833	146.462.393
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	15	260.133.483.413	260.393.006.145
321	6. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	129.053.182
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		-	(48.105.844)
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>71.346.340.000</b>	<b>71.013.450.000</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	71.346.340.000	71.013.450.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>(139.000.536.306)</b>	<b>(141.793.314.260)</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>16</b>	<b>(139.000.536.306)</b>	<b>(141.793.314.260)</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		300.000.000.000	300.000.000.000
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		300.000.000.000	300.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		2.051.994.155	2.051.994.155
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	1.025.997.077
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(441.052.530.461)	(444.871.305.492)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(443.845.308.415)	(455.317.380.949)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		2.792.777.954	10.446.075.457
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>290.518.387.842</b>	<b>287.421.935.984</b>

Người lập biểu



Nguyễn Thanh Bình

Kế toán trưởng



Trịnh Thị Thanh

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2025

Giám đốc




Lê Bá Trường



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	49.997.396.395	42.691.518.238
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		49.997.396.395	42.691.518.238
11	4. Giá vốn hàng bán	18	47.216.263.641	40.406.578.183
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.781.132.754	2.284.940.055
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	735.700.298	1.569.563.592
22	7. Chi phí tài chính	20	(12.036.221)	4.221.240.392
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	21	293.199.777	252.504.812
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	481.707.665	(11.045.269.140)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.753.961.831	10.426.027.583
31	11. Thu nhập khác	23	46.462.393	155.323.251
32	12. Chi phí khác	24	7.646.270	135.275.377
40	13. Lợi nhuận khác		38.816.123	20.047.874
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.792.777.954	10.446.075.457
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>2.792.777.954</u>	<u>10.446.075.457</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	<u>93</u>	<u>348</u>

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thanh Bình



Trịnh Thị Thanh



Lê Bá Trường

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		2.792.777.954	10.446.075.457
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(3.453.540.080)	(11.550.652.416)
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		59.939.400	20.606.064
03	- Các khoản dự phòng		(2.777.779.182)	(10.001.694.888)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(735.700.298)	(1.569.563.592)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(660.762.126)	(1.104.576.959)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(671.215.291)	(1.705.278.422)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		62.721.334	(62.721.334)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay		384.621.242	3.660.593.419
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		78.207.847	(200.279.495)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(6.032.726.000)	(14.125.511.000)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		48.105.844	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(6.791.047.150)	(13.537.773.791)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(118.000.000)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(10.526.652.055)	(24.168.412.329)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của		16.668.412.329	29.500.000.000
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(332.890.000)	(542.290.000)
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	131.380.000
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		886.006.906	1.543.761.148
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		6.694.877.180	6.346.438.819

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
50			
60			
70			
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
50 Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(96.169.970)	(7.191.334.972)
60 Tiền và tương đương tiền đầu năm		756.428.022	7.947.762.994
70 Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	660.258.052	756.428.022

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thanh Bình



Trịnh Thị Thanh



Lê Bá Trường